

Phụ lục 5 C

Trống đồng nước Xích Quỷ

Trong bộ sưu tập Sumitomo ở Kyoto, Nhật Bản, có một chiếc trống đồng (từ đây gọi là trống Sumitomo) được các học giả Nhật Bản, Trung Quốc gọi là “Trống có mặt da cá sấu và đôi chim” hay “Trống đồng có đôi chim và mô típ Thao Thiết”.



Hình 1: Trống đồng Sumitomo: Nhìn ngang; Nhìn dọc; Trống Sùng Dương.

Nguồn: www.sen-oku.or.jp/kyoto/; <http://history.cultural-china.com/en/>

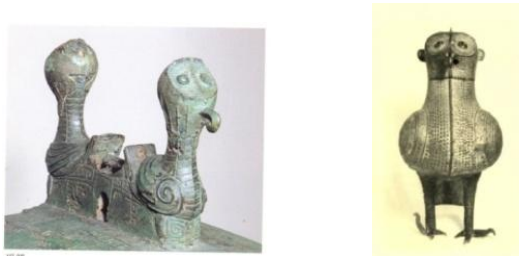
Năm 1929, học giả Thụy Điển Siren xác định trống Sumitomo là trống Thương. Năm 1936, học giả Đức Hentze coi đó là trống Chu. Năm 2008, học giả Mỹ H.Brown¹ lại cho rằng, “dựa trên các đặc trưng, đó là một sản phẩm của nhà Sở”. Hiện trong các tư liệu, số ít vẫn viết đó là trống đồng Thương hoặc trống An Dương (tên kinh đô Thương với ngụ ý đó là trống Thương), số nhiều viết là trống đồng thời Thương và chưa có tư liệu nào viết đó là trống đồng Bách Việt.

Việc phát hiện ra chiếc trống Sùng Dương tương tự trống Sumitomo và được nhiều học giả xác định là trống đồng của vùng Hồ Bắc-Hồ Nam cho phép xác định cả hai đều là trống đồng của người Bách Việt ở nước Xích Quỷ. Một phân tích so sánh các mô típ hay biểu tượng trên hai chiếc trống lại càng khẳng định rõ điều đó.

¹ www.hp.uab.edu/image_archive/uac/index.html.

1. Trống đồng nước Xích Quỷ -các mô típ và biểu tượng

- Chim cú



Hình 2: Đôi cú trên nóc trống Sumitomo; Bình rượu hình cú Thương
Nguồn: Sumitomo Collection 2002; Munsternberg 1986

Không còn nghi ngờ gì nữa, đôi chim trên nóc trống Sumitomo là chim cú với bộ mặt bẹt, đôi mắt to tròn và chiếc mỏ cong đặc trưng dễ nhận biết.

Theo Munsternberg (1986: 92) cú là một trong những biểu tượng quan trọng nhất của thần thoại và nghệ thuật Thương. Một tượng cú lớn và đẹp bằng đá hoa cương đã được tìm thấy ở kinh đô An Dương và nhiều đồ đồng Thương mang hình cú hay có hoa văn là các bộ phận cơ thể của cú. Dù văn giáp cốt Thương không nói gì về biểu tượng cú nhưng có vẻ cú là một biểu tượng gắn với bóng tối, đêm đen và là sứ giả của Thần Chết.

Tư liệu khảo cổ học chỉ cho biết lờ mờ như thế về biểu tượng cú trong văn hóa Thương. Nhưng tư liệu dân tộc học cho biết rõ hơn, rằng chính trong văn hóa Bách Việt, cú mới thực sự là một biểu tượng lớn có ý nghĩa sâu sắc và phong phú cho phép lý giải đúng hình tượng cú trên nóc trống Sumitomo.

Trong công trình nổi tiếng “*Nhảy múa và truyền thuyết ở Trung Quốc xưa*”, học giả Pháp Granet (1923:215-19, 439) đã tổng hợp nhiều điều truyền thuyết thần thoại nói về cú liên quan với người Bách Việt như sau:

- Mô típ Thao Thiết trên đỉnh đồng nhà Hạ, với đôi mắt (to tròn) dưới nách cũng được gọi là mô típ Cú. Thao Thiết lại chính là một biệt danh của Tam Miêu, những người sống ở vùng núi Tam Ngưu (Cam Túc), nơi ngụ trị của một con cú một đầu- ba thân. Vì thế, biểu tượng của Tam Miêu là cú một đầu- ba thân. Tam Miêu, Thao Thiết, cú ba thân là tổ tiên của những người thợ đúc đồng. Xuy Vu -vua Tam Miêu -người phát minh ra các vũ khí đồng là người có đầu đồng, trán sắt hay đội chiếc mũ bằng đồng hình sừng trâu. Cú là biểu trưng của một hoàng tộc gồm những người đúc đồng.

- Có một con cú chỉ có một chân sống trên núi Côn Ngô, núi có nhiều đồng. Côn Ngô cũng là nơi Phi Liêm (Thần Gió) đúc đồng, nơi Hoàng Đế giao chiến với Xuy Vu, nơi vua Việt Câu Tiễn cúng thần núi trước khi đúc 8 thanh gươm báu. Cú một chân là con của rồng một chân và trống một chân, là con vật chủ trì việc đúc đồng và là Thợ Cả của những người thợ đúc. Từ chỉ cú cũng là từ chỉ bể lò rèn và trống. Để tạo ra hợp kim đồng, cú phải lấy mạng một phụ nữ hay trẻ em.

- Cú cũng là con vật làm ra trống, đánh trống và là con vật kéo bể lò rèn đúc trống. Cú vừa tạo sấm vừa diệt sấm. Vì thế, cú là Thần Sấm và là thần Trống .

- Cả cú và ếch đều được coi là con vật đã phát minh ra trống, là biểu tượng của Âm-Nước- Mặt trăng và gắn với các nghi lễ cầu mưa (có tục đánh trống). Vì thế, người xưa có tục ăn cháo ếch hoặc cháo cú vào ngày 5 hay 15 tháng 5, được coi là ngày của cú- ngày cực Dương (Hạ chí). Tượng ếch cũng có trên mặt trống đồng (Đông Sơn) dùng để đánh cầu mưa.

-Người Nguồn (một nhóm Việt-Mường ở Quảng Bình) có tục bán trẻ em cho những người thợ rèn. Họ gọi con quỉ chuyên hại trẻ sơ sinh là *phong long*. Đó cũng là một tên gọi của thần Sấm. *Phong long* tức *rồng gió*, ám chỉ cú và có thể là một tên gọi khác của Thần Gió Phi Liêm- Thần Đúc Đồng có hiện thân là rồng. Để phòng *phong long*, họ treo những chiếc bình gốm vỡ trước cửa.¹

Chưa hết, Eberhard (1968: 155-59) cho chúng ta biết thêm:

-Thời Hán, các đạo sĩ gốc Việt đặt đuôi cú lên bờ nóc nhà như một dạng bùa phòng hỏa hoạn. Thời Đường, bờ nóc các cung điện đều đặt hình cá với đuôi vênh lên thay cho đuôi cú. Thời Tống, trên nóc phủ của Nhạc Phi ở Ngô Thành (Giang Tây) cũng được đặt hình đuôi cú. Ở biển có loài cá có đuôi giống đuôi cú, khi quấy đuôi tạo thành mưa, vì thế, theo lời khuyên của một vua Việt thời Hán, hình loài cá trên được đặt trên mái cung điện của vua Hán để phòng hỏa hoạn.

-Người Việt cũng có tục mang xác cóc khô hay lông cú trong người để không bị sét đánh.

Đến đây, chúng ta mới hiểu vì sao, người Rongao, một nhóm Bana ở Tây Nguyên lại gọi cú muỗi là “chim- thợ rèn”. P. Maspero (1963: 696) cho biết, một truyền thuyết Rơ ngao kể: một người thợ rèn đã hóa thành chim cú muỗi và đúc những chiếc rìu cho Thần Sấm. Cú muỗi chính là thần bảo hộ cho những người thợ rèn.

Chúng ta biết, người Bana cũng là con cháu của người Lạc Việt thời Đông Sơn (Phụ lục 16 A). Sử thi Bana cũng nói tới những chiếc trống đồng “mặt bít vàng bít bạc”. Một số trống đồng Đông Sơn đã được phát hiện ở Bình Định, vùng đất xưa của họ. Họ cũng có truyền thuyết về Ông Trống-Bà Trống, cặp tổ tiên huyền thoại đã nhờ một chiếc trống thoát khỏi cơn hồng thủy. Rõ ràng, truyền thuyết trên của người Bana đã bảo lưu một quan niệm Bách Việt xa xưa, coi cú là vị thần đúc đồng và đúc trống.

Mặt khác, nếu trên đồ đồng Thương, cú thường đứng lẻ bóng cô đơn thì trên trống đồng Sumitomo, cú là một đôi vợ- chồng thể hiện Âm-Dương, Đực-Cái, và đó chính là một mô típ truyền thống đặc trưng của văn hóa Bách Việt.

¹ Người Việt Nam xưa còn có tục khi nhà sinh con, phải mua vật gì đó để *đổ (bỏ) phong long*. Tục *đốt phong long*, tức đốt giấy để xua đuổi vía xấu khi mở hàng vào dịp đầu năm hay sáng sớm cho đến nay vẫn còn tồn tại nhiều nơi, nhất là ở miền Bắc.

Mô típ đôi chim Âm-Dương ấy, chúng ta có thể thấy trên một miếng ngà voi Hà Mẫu Độ (thiên niên kỷ 5 TCN); trên chiếc “bạt -chim” Ninh Hương, Hồ Nam (thế kỷ 13 TCN); trên ngôi nhà sống vống Đông Sơn (thế kỷ 3 TCN); ở hai bên chiếc trống da Sở (thế kỷ 2 TCN), trên khuyên tai hai đầu thú Sa Huỳnh (thế kỷ 1 TCN) và trên đầu nóc ngôi nhà làng của người Katu ở Việt Nam hiện tại.



Hình 3: Mô típ đôi chim Âm-Dương: Trên tấm ngà Hà Mẫu Độ; Trên “bạt chim” Ninh Hương; Hai bên trống Sở.

Nguồn: Allan 2005; asia.si.edu; history.cultural-china.com



Hình 4: Nhà Đông Sơn hai đầu chim; Khuyên tai Đồng Nai hai đầu thú; Nhà làng Katu 2 đầu hồi 2 đôi chim Vạ-Chồng.

Nguồn: Phan Văn Cảnh 1990; diepdoan.violet.vn

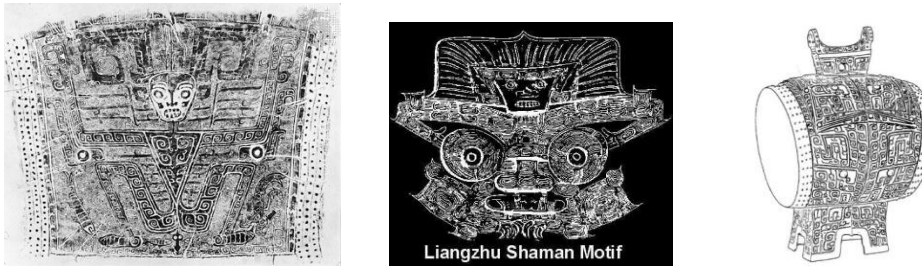
Chung quanh biểu tượng cú trong văn hóa Bách Việt còn lắm điều kỳ bí. Nhưng những gì nêu trên đã cần và đủ để chứng minh, hình đôi cú trên đỉnh trống Sumitomo chính là biểu tượng cho vị Thần Đúc Đồng- Thần Trống- Thần Sấm, xưa được đồng nhất với Xuy Vưu, vị Vua- Thần, Ông Tổ của người Tam Miêu hay Bách Việt.

• Thao Thiết

Các học giả Nhật gọi trống Sumitomo là “Trống có đôi chim và Thao Thiết ” bởi ngoài hình đôi chim cú trên nóc trống, mô típ chính trên thân trống là mô típ Thao Thiết¹. Các học giả Trung Quốc gọi trống Sùng Dương là “Trống có văn mặt thú”. “Mặt thú” ở đây chính là mô típ Thao Thiết được tạo ra bằng lồi văn (biểu tượng cho sấm sét và mây mưa).

Có điều, cùng mô típ đó nhưng các học giả lại có những cách nhìn khác nhau.

¹ Tao-Tie, được dịch ra tiếng Anh là animal mask/ zoomorphic mask= mặt nạ thú; mask of voracious monster=mặt quỷ tham ăn; mask like motif=mô típ giống mặt nạ. Trong tiếng Pháp được gọi là Gluton= Kẻ Tham ăn hay Kẻ Tham lam nói chung.



Hình 6: Mô típ Thao Thiết: Trên trống đồng Sumitomo; Trên đồ ngọc Lương Chử; Trên trống Sùng Dương.

Nguồn: <http://www.britannica.com>; Bagley 1999

Munsterberg (1986:197-201) xác định đó là một vị thần có mặt người, sừng cừu, tai xòe ra như cánh chim, bàn tay cong vào như vuốt hổ, háng dạng như háng ếch, bàn chân trông như ấu trùng ve, xung quanh là chim mắt to, cá, rắn. Đó chính là biểu tượng của Thượng Đế, vị thần cai quản bầu trời, sấm sét, nắng mưa, mùa màng, sự sinh sôi nảy nở của vạn vật và cũng là Ông Tổ của nhà Thương. Biểu tượng đó cũng tương đồng với tượng hình của chữ đế 帝 trong văn giáp cốt Thương.¹

Học giả Đài Loan Chen Chi Lu (1972: 411) lại coi mô típ đó là một biến thể của hình người-ếch phổ biến ở nhiều nền văn hóa cổ khắp vùng ven biển Thái Bình Dương.

Từ điển Bách khoa Toàn thư Anh (*Britannica*) gọi thẳng đó là “Mô típ pháp sư shaman”.

Vậy thực chất đó là mô típ gì, nguồn gốc và ý nghĩa của nó ra sao?

Trước hết, có thể khẳng định mô típ Thao Thiết trên trống đồng Sumitomo chính là một biến thể của mô típ Thao Thiết xuất hiện sớm nhất trên các lễ khí bằng ngọc của văn hóa Lương Chử (Phụ lục 2 B). Đó là biểu tượng của vị vua kiêm pháp sư shaman Lương Chử với các bộ phận cơ thể thể hiện các con vật, là “trợ thủ” giúp vị vua-pháp sư giao tiếp với thần linh trên trời-dưới nước. Vị vua-thần đó, trong huyền thoại, cũng đã trở thành Xuy Vũu.

Mô típ trên trống Sumitomo, dù đã có cặp sừng cừu giống mô típ Thao Thiết trên đồ đồng Thương nhưng vẫn mang phong cách tả thực đặc trưng Bách Việt (nhất là ở bộ mặt người), khác với mô típ Thao Thiết Thương theo phong cách cách điệu với nhiều đường nét cầu kỳ, phức tạp.

¹ Cùng lý giải gốc của chữ Đế trong văn giáp cốt, Lý- Waters (1997: 198) lại cho rằng chữ đế 帝 có tượng hình mấy cây gỗ xếp thành bàn thờ, nghĩa gốc là nghi thức cúng tế trời đất tổ tiên. Một học giả khác lại cho rằng ý nghĩa của chữ này trong văn giáp cốt không rõ (<http://www.chineseetymology.org/>)



Hình 7: Mô típ Thao Thiết Thương
Nguồn: Loehr 2007

Do văn giáp cốt Thương không nói gì về ý nghĩa của Thao Thiết và từ gốc của nó vẫn là điều bí ẩn nên từ lâu các học giả cũng đã đưa ra nhiều cách lý giải về mô típ Thao Thiết trên đồ đồng Thương. Đa số xác định nó phải có ý nghĩa tín ngưỡng bởi chúng thường xuất hiện trên các lễ khí bằng đồng. Nhưng ý nghĩa đó cụ thể thế nào thì mỗi người mỗi ý, ví dụ:

- Nó thể hiện mặt nạ của các pháp sư hay các vị vua-thần xưa, những người kết nối liên thông giữa người sống và người chết, giữa người và tổ tiên-thần linh.

- Nó là một biểu tượng cho tính tham lam và phàm ăn, phản ánh nhu cầu được cúng lễ vô hạn của người chết-tổ tiên-thần linh,

- Đó là vị thần bảo hộ cho người Thương nhưng là vị thần hủy diệt đối với các tộc người khác .v.v.

Theo tôi, cách lý giải coi Thao Thiết thể hiện mặt nạ của các pháp sư hay vua-thần xưa là có lý nhất bởi nó phù hợp với ý nghĩa của mô típ Thao Thiết trong văn hóa Lương Chủ cũng như với chức năng của các mặt nạ thiêng trong văn hóa của các tộc người gốc Bách Việt sau này.

Không ngẫu nhiên, trong thần thoại Trung Hoa, Thao Thiết được đồng nhất với Xuy Vụ, vị vua-thần của người Tam Miêu. Một truyền thuyết kể: Hoàng Đế đánh bại Xuy Vụ, sai quân chém đầu và khắc mặt Xuy Vụ trên các đồ đồng dùng trong cúng tế để cảnh cáo những kẻ tham lam của cải và quyền lực.

Cũng có thể thấy, mô típ Thao Thiết trên trống đồng Sumitomo có họ hàng gần với các mặt nạ bằng đồng cùng thời của người Bách Việt ở Tân Can, Lão Ngưu Pha, Thành Cốc, Tam Tinh Đôi (Chương 5) họ hàng xa với các mặt nạ bằng gỗ của người Katu ở Việt Nam, Dayak ở Indonesia đến thế kỷ 20.



Hình 8: Đầu Thao Thiết trên trống Sumitomo; Mặt nạ đồng Tân Can; Mặt nạ đồng Lão Ngưu Pha; Mặt nạ gỗ Katu; Mặt nạ gỗ Dayak.

Nguồn: Chen Chi Lu 1972; Allan 2005; Le Pichon 1938; <http://www.primitivetribeart.com>;

Tư liệu dân tộc học cho biết, các pháp sư-thủ lĩnh xưa cùng các chiến binh thường đeo các mặt nạ trong các nghi lễ lớn để thể hiện tổ tiên, thần linh. Điều đó có nghĩa, các tộc người có cùng dạng mặt nạ trên có thể có cùng tổ tiên, tức chung nguồn gốc. Đôi mắt to tròn, miệng nhe răng của các mặt nạ cũng gợi ý đó là biểu tượng cho vật tổ hổ của người Bách Việt vùng Đông Nam Trung Quốc thời Thương, cùng với vật tổ chim thường xuất hiện trên đồ đồng Ninh Hương và Ngô Thành (Phụ lục 5B). Hổ cũng là vị thần phù hợp với tính tham lam, phàm ăn, sức mạnh hủy diệt được coi là đặc tính của Thao Thiết. Một trong 6 lễ khí của nhà Chu là vật bằng ngọc có hình Thao Thiết, trông giống mặt hổ và có tên là Hổ. Hổ sau cũng là vật tổ của người Ba, Thổ Gia, Mông, Lô Lô có chung cội nguồn Bách Việt.

Trong truyền thuyết, Xuy Vuu là người có đầu đồng-trán sắt. Để được Ông Tổ-Thần Chiến tranh Xuy Vuu phù hộ, các thủ lĩnh Bách Việt xưa cũng đeo mặt nạ đồng khi ra trận. Theo Eberhard (1968:372), một thủ lĩnh Nam Man (tức Bách Việt) có tên là “Đầu Đồng”, liên quan đến tục đeo mặt nạ đồng nói trên. Biết vậy, một viên tướng Tống, khi đem quân đánh Nùng Chí Cao, một vị vua của người Tày-Nùng, cũng đeo mặt nạ đồng ra trận.

Như vậy, mô típ Thao Thiết trên thân trống đồng Sumitomo và Sùng Dương là một biểu tượng khác của Xích Quỷ -Xuy Vuu, vị thần chiến tranh của người Bách Việt-phù hợp với chức năng chính là trống trận của trống đồng.

- **Rồng một chân (Quì Long)**

Các học giả Trung Quốc xác định ở hai vành ngoài trống Sùng Dương là các mô típ rồng một chân¹. Rất tiếc, chúng ta không có một minh họa đặc tả mô típ này để so sánh với các mô típ rồng một chân trên đồ đồng Thương-Chu. Tuy nhiên, việc nhận biết mô típ đó không quan trọng so với việc xác định nguồn gốc và bản chất của nó.

¹ <http://history.cultural-china.com/en/54History3791.html>



Hình 11: Mô típ rồng một chân trên đồ đồng Thương-Chu; Trống Đông Sơn một chân
Nguồn: Chen Wan Geng 2001

Về vấn đề này, chúng ta may mắn có những thông tin từ hai công trình của Granet (1926:212-15), của Eberhard (1968: 57-8) cùng một bài viết rất công phu trên Tự điển trực tuyến Wikipedia.¹ Ở đây, tôi sẽ lọc ra một số điểm liên quan trực tiếp đến người Bách Việt:

- Trong cổ thư Trung Quốc, rồng một chân được gọi là *qui long* hay *qui* với rất nhiều nghĩa: vị tổ sư đã phát minh ra nhạc và múa, thợ cả nghề rèn, thần núi, thần mặt trăng, thần mưa, thần sấm, rồng mặt người, khỉ mặt người, con trâu, chiếc trống, lò rèn...tất cả đều chỉ có một chân.

-Từ gốc của *qui* có họ hàng với *ngưu* (Hán-Việt), *kui/hui* trong tiếng Ba-Thục, *tsao/ chao/ nao* trong tiếng Việt Chiết Giang và tiếng Dao, là từ chỉ *trâu/bò* trong tiếng Nguyên Thái và Nguyên Nam Đảo.

-*Sơn Hải Kinh* chép: ở biển Đông có một con thú trông như bò, mình xanh, không sừng, chỉ có một chân, có tiếng kêu vang như sấm.Tên nó là *qui*. Hoàng Đế lấy da nó bịt trống, đánh trống đó bằng xương của Thần Sấm. Thần Sấm có đầu người, thân cá sấu (rồng), chơi trống để trên bụng.

-Cá sấu một đuôi cũng là rồng một chân. Người Việt ở Chiết Giang gọi nó là *giao long*.

-Nó là con cháu của Chúc Dung, ông tổ của các vua Sở, Việt nên cũng có họ Mị như các vua Sở và vua Việt. Nó có con trai là Phong Chư (lợn có bướu hay lợn khổng lồ) là vật tổ của nước Ngô, nước có cư dân là người Việt.

-Tại Việt Nam, rồng một chân được thờ dưới tên Thần Độc Cước.

Trong những thông tin trên, có một số rất đáng chú ý:

- Các từ *tsao/chao* trong tiếng Việt và Dao rất gần với từ *trâu*, còn *qui/kui* cũng rất gần với *cù=cá sấu* trong tiếng Việt-Mường.

-Schuessler (2007:308) phục dựng từ gốc của *giao* trong *giao long* là *krâu* (Hoa cổ) họ hàng với *klu/kru/kyu=rắn* trong tiếng Tạng-Miến. Các từ trên cũng tương ứng với các từ *klu/khú/tru/trâu* chỉ rắn, trâu trong tiếng Việt-Mường.

¹ [http://en.wikipedia.org/wiki/Kui_\(Chinese_mythology\)](http://en.wikipedia.org/wiki/Kui_(Chinese_mythology)).

-Biểu tượng rồng một chân có gốc từ văn hóa Đông Di hay Bách Việt ở vùng ven biển phía Đông.

-Tục thờ Thần Độc Cước (Thần Một Chân) khá phổ biến ở Việt Nam, đặc biệt ở người Việt các vùng ven sông, biển (Phụ lục 5 D).

-Rồng một chân có quan hệ biểu tượng với dạng trống da một chân, dạng trống trận thời Xuân Thu-Chiến Quốc và cũng thấy trên các con thuyền trên trống Đông Sơn.

Tóm lại, dù các mô típ cú, Thao Thiết, rồng một chân cũng xuất hiện trên đồ đồng Thương do văn hóa Thương cũng có cội nguồn ít nhiều từ văn hóa Đông Di (Phụ lục 2C) nhưng chúng đã mang hình hài và tính biểu tượng khác với các mô típ tương tự trên trống Sumitomo. Tính biểu tượng đó có liên quan mật thiết với sự ra đời và chức năng của dạng trống đồng Bách Việt đầu tiên này.

2. Sự ra đời của trống đồng ở nước Xích Quỷ

Dưới sự đô hộ của nhà Thương, người Bách Việt ở vùng Dương Tử đã tiếp thu nghề đúc đồng từ người Thương. Theo qui luật, ban đầu, họ đúc các đồ đồng mô phỏng đồ đồng Thương, sau đó, họ đổi mới chúng theo những nhu cầu và thị hiếu riêng của mình. Cùng với việc chế tác các chiếc nãi, bệ cỡ lớn theo mẫu nãi, lệnh Thương, họ cũng đúc những chiếc trống đồng theo mẫu một dạng trống da Thương.

Do sẵn có nguồn nguyên liệu đồng dồi dào tại chỗ, người Bách Việt đã nảy ra ý tưởng đúc trống đồng làm trống trận thay cho trống da bởi khí hậu nóng ẩm phương Nam khiến mặt trống da dễ ẩm mốc, tiếng trống không vang dội hùng tráng. Trống đồng vừa bền, đẹp vừa đắt, quý hơn trống da, và với các biểu tượng của tổ tiên-thần linh, tiếng trống đồng sẽ thiêng hơn trong các hội lễ cầu mưa cũng như trong trận mạc.

Người Bách Việt đã bắt đầu đúc trống đồng từ bao giờ, ở đâu?

Bagley (1999:151), dựa vào phong cách của mô típ Thao Thiết, xác định trống Sùng Dương có niên đại thế kỷ 14-13 TCN. Các học giả Nhật đoán định trống Sumitomo có niên đại muộn hơn, khoảng thế kỷ 12 TCN.

Thật vậy, trống Sùng Dương là trống sớm nên được đúc mô phỏng trống da Thương bịt da bò hay cừu, vì thế mặt trống phẳng lý, dáng trống tương tự chữ tượng hình chỉ trống trong văn giáp cốt. Thân trống có các mô típ Thao Thiết và rồng một chân vẫn mang phong cách Thương. Trống Sumimoto là trống muộn nên có phong cách tả thực đặc trưng phương Nam: đôi chim trên nóc là chim cú, mô típ Thao Thiết trở về với nguyên mẫu Lương Chử có mặt người, chân đế có kiểu chân quỳ –chân thú, và đặc biệt mặt trống mô phỏng mặt trống da cá sấu.

Theo Eberhard (1968:364): việc dùng da cừu, da bò bịt trống là một truyền thống phương Bắc, còn dùng da một con vật nước phản ánh mối quan hệ ma thuật giữa trống và con vật nước là một truyền thống phương Nam.

Tư liệu khảo cổ học cũng cho biết chiếc trống da cá sấu cổ nhất được phát hiện trong một ngôi mộ lớn tại di chỉ Đại Văn Khẩu ở Sơn Đông. Tư liệu thư tịch xác định

dạng trống gỗ bọc da cá sấu hay da *giao long* là một đặc sản của người Việt ở Cối Kê-Chiết Giang (Phụ lục 2C).

Như vậy, dạng trống bịt da cá sấu mang ý nghĩa tín ngưỡng-ma thuật là dạng trống truyền thống của người Đông Di-Bách Việt. Việc đúc trống đồng có mặt da cá sấu, một lần nữa, khẳng định tính “về nguồn” của trống đồng Sumitomo.

Như đã nêu, các học giả Trung Quốc đoán trống Sùng Dương đã được đưa từ nơi khác đến để dùng trong chiến trận liên quan đến cuộc chinh phạt Kinh-Sở của vua Thương Vũ Đinh (1250-1192 TCN). Vậy đó là nơi nào?

Có hai nơi có khả năng là nơi đã đúc trống đồng Sùng Dương.

Nơi thứ nhất là Ngô Thành, Giang Tây, kinh đô của nước Việt Chương, trung tâm của liên minh Xích Quỷ. Do mặt của mô típ Thao Thiết trên trống Sumitomo rất gần gũi với mặt nạ đồng Tân Can, nên Ngô Thành là nơi đã đúc ra những chiếc trống đồng Bách Việt đầu tiên dạng đó. Người Ngô Thành đã đưa quân và trống đồng tới chi viện cho người Bàn Long Thành trong cuộc kháng chiến chống giặc Ân xâm lược.

Nơi thứ hai là Tào Thị, một nơi cách không xa Sùng Dương về phía Nam, một trung tâm đúc đồng sớm và lớn ở Hồ Nam. Đặc biệt, gần Tào Thị có di chỉ Đồng Cổ Sơn Không rõ tên gọi trên có từ bao giờ, nhưng như các di chỉ Đồng Cổ Sơn khác ở Quý Châu và Việt Nam, thường có liên quan tới việc thờ trống đồng, vì thế rất có thể liên quan tới trống đồng đúc ở Tào Thị. Quá trình chuyển đổi các yếu tố Thương sang các yếu tố bản địa trên đồ đồng Tào Thị cũng hoàn toàn phù hợp với sự chuyển đổi về hình dáng và hoa văn trên trống đồng Sumitomo và Sùng Dương.

Nhưng dù được đúc ở đâu thì mô típ Thao Thiết- biểu tượng của Xuy Vu, vị Thần Chiến tranh-Thần Bảo hộ nước Xích Quỷ trên thân trống Sumitomo cũng cho thấy, trống đồng Bách Việt thời Thương vừa có chức năng làm trống sấm để cầu mưa, vừa là trống trận giống trống đồng Ơ Việt, Đông Sơn và trống đồng Đại Việt thời Lý-Trần.

Chúng ta biết, các lễ khí bằng đồng Thương chủ yếu là các đồ đựng thức ăn, đồ dùng để hâm nóng hay làm mát rượu kê trong các nghi lễ cúng tổ tiên. Chúng được cất giữ ở nhà thờ tổ và chủ yếu dùng trong yến tiệc. Trong khi đó, các lễ khí bằng đồng Bách Việt chủ yếu là các nhạc cụ như trống, nã, bạt cỡ lớn. Chúng thường được chôn, cất dưới đất, trong hang núi và chủ yếu dùng để tập hợp cộng đồng, gọi hồn, truyền tiếng nói của thần linh, để mô phỏng tiếng sấm cầu mưa, những chức năng hoàn toàn giống chức năng của trống đồng Đông Sơn sau này.

Việc đánh trống, chiêng, thổi khèn bầu kết hợp nhảy múa trong các hội lễ là một đặc trưng của văn hóa Bách Việt. Cho đến thời Hán Vũ Đế, lễ đại tế của người Hán vẫn không có âm nhạc. Sau đó, khi chinh phục Nam Việt, nhà Hán mới tiếp thu phong tục Bách Việt, đưa âm nhạc vào lễ cúng tế thần Trời (Thái Ất) và Thần Đất (Hậu Thổ).

Trong phần sau (Phụ lục 5D), tôi sẽ chứng minh việc dùng trống đồng Sùng Dương trong kháng chiến chống giặc Thương-Ân ở vùng Kinh-Sở, Hồ Bắc chính là cốt lõi lịch sử của truyền thuyết Thánh Gióng-Thần Trống đồng của nước Xích Quỷ.

3. Trống đồng Bách Việt thời Chu

Theo Porée-Maspero (1969: 787), *Trúc thư*¹ là cuốn sử Trung Quốc đầu tiên nói tới trống đồng khi ghi lại sự kiện năm 623 TCN, “Thiên tử” nhà Chu ban cho Tần Mục Công một chiếc trống đồng sau khi vua Tần đánh bại và thu phục được một số thủ lĩnh Khuyển Nhung.

Cũng về sự kiện trên, *Từ điển Bách Độ, mục Chu Tương Vương*² cho biết rõ hơn, rằng sau khi Tần Mục Công thu phục hơn 20 tiểu quốc và bộ lạc Tây Nhung, mở rộng đất về phía Đông hơn 1000 dặm, Chu Tương Vương đã sai sứ giả đến tặng Tần Mục Công 12 chiếc trống đồng, vừa là để chúc mừng, vừa chính thức biểu thị sự công nhận quyền bá chủ của Tần đối với các bộ lạc Tây Nhung đó.

Do ở Trung Quốc, trống đồng luôn được coi là sản phẩm của các tộc người khác Hoa nên 12 chiếc trống đồng trên chắc chắn không phải là trống đồng của nhà Chu đúc mà là trống đồng của người Bách Việt mà nhà Chu có được, có thể theo hai cách: hoặc tịch thu của người Bách Việt trong các cuộc chinh phạt phương Nam, hoặc là đồ cống nạp từ các nước Bách Việt.

Cần nhắc lại, người Tây Nhung gồm nhiều nhóm tộc người, trong đó có những nhóm có liên hệ cội nguồn với người Việt ở Lão Ngưu Pha nói riêng và người Bách Việt nói chung. Chu Mục Vương (976-922 TCN) khi thăm núi Côn Lôn (Cam Túc) đã được người Nhung ở đây tặng cho một thanh gươm đồng có tên là “Côn Ngô”. Người Nhung ở Cam Túc cũng là một nhóm có nghề đúc đồng sớm và có quan hệ cội nguồn với người Tam Miêu. Vì thế, rất có thể, một số nhóm Tây Nhung đã có tục đúc và dùng trống đồng dạng trống Sùng Dương.³

Việc vua Chu ban cho vua Tần trống đồng, vốn một biểu tượng cho uy quyền và thần quyền của người Nhung, chính là một cách thể hiện sự công nhận của “Thiên tử” nhà Chu đối với vị thế bá chủ của vua Tần đối người Nhung. Vào thời Tam Quốc, với mục đích tương tự, Gia Cát Lượng cũng ban phát trống đồng (dạng Đông Sơn) cho các thủ lĩnh vùng núi Tây Nam Trung Quốc, dẫn đến việc dân gian dùng tên Gia Cát để gọi trống đồng, từ đó có sự ngộ nhận một thời coi người phát minh ra trống đồng chính là Gia Cát Lượng.

Nhưng như chúng ta sẽ thấy, trống đồng cũng đã tiếp tục tồn tại ở nước U Việt cũng như ở nước Sở. Dù vậy, cho đến nay, các cuộc khai quật khảo cổ học tại các vùng trên cũng không phát hiện được một chiếc trống đồng nào. Học giả Trung Quốc

¹ Trúc Thư/Trúc Thư Kỷ niên= Sách viết trên thẻ tre là một cuốn sử nước Ngụy thời Chiến Quốc ghi lại các sự kiện từ thời Hoàng Đế tới năm 299 TCN. Do bản gốc được chôn cùng với Ngụy Tương Vương (chết năm 296 TCN), sách đã không bị đốt dưới thời Tần Thủy Hoàng và cùng với Sử Ký của Tư Mã Thiên được coi là hai cuốn sử quan trọng nhất về Trung Quốc thời sơ sử.

² <http://baike.baidu.com/view/129894.htm>

³ Trong một công trình riêng về nguồn gốc và sự phát triển của trống đồng Đông Sơn, tôi sẽ chứng minh dạng trống đồng lưng eo kiểu Đông Sơn là một sáng tạo thời Đông Sơn.

Phan Ngô Vân từ góc độ ngôn ngữ-khảo cổ học sẽ cho chúng ta một lời lý giải khá thuyết phục về vấn đề này.

4. Trống đồng nước Xích Quỷ và trống đồng Đông Sơn

So sánh trống Sumitomo- đại diện cho trống đồng của nước Xích Quỷ và trống Ngọc Lũ -đại diện cho trống đồng Đông Sơn của nước Văn Lang , chúng ta thấy sự khác biệt về hình dáng, tượng nổi và hoa văn, nhưng có sự tương đồng về chức năng và tính biểu tượng:

- **Hình dáng**

Trống Sumitomo mô phỏng một dạng trống da hai mặt kín có thân trống hình thùng rượu. Nhìn ngang trống có 3 phần: *đỉnh* hình chim có lỗ để xỏ dây treo; *thân* phủ kín hoa văn và 4 *chân đế* kiểu chân quỳ. Dạng trống da này là gốc của chữ *cổ* chỉ trống trong chữ Thương nên là một dạng trống Thương.

Trống Ngọc Lũ mô phỏng một dạng cối giã gạo lưng eo, mặt trên kín, mặt dưới hở. Nhìn ngang trống cũng có 3 phần: tang-thân-đế; 4 cặp quai dùng để treo trống nằm ở giữa tang và thân. Dáng trống thể hiện 3 phần cơ thể của người phụ nữ hay quả bầu Mẹ, một biểu tượng lớn trong văn hóa Bách Việt.

Rõ ràng, trống đồng Ngọc Lũ là dạng trống chỉ có ở người Bách Việt, mang bản sắc Bách Việt.



Hình 12: Trống Sumitomo ; Trống Ngọc Lũ

- **Tượng nổi và hoa văn**

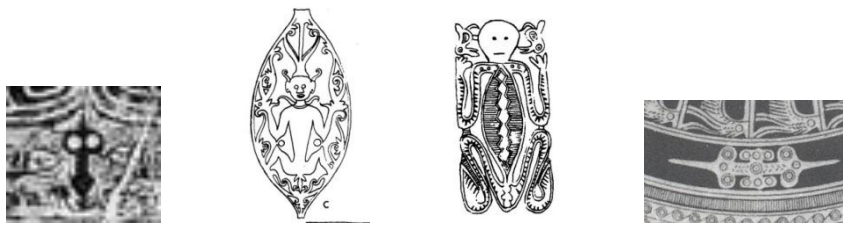
Tượng chim trên đỉnh trống nước Xích Quỷ là cú- biểu tượng của Ông Tổ (Xuy Vuu) -Thần Thợ rèn-Thần Trống-Thần Mưa.

Trên mặt các trống Đông Sơn muộn lại có tượng éch hay cóc, thể hiện Bà Tổ Éch, cũng là một biểu tượng của Thần Trống-Thần Mưa-Thần Sấm.

Hình chim Lạc bay quanh mặt trời trên trống đồng Đông Sơn là biểu tượng của Bà Tổ Chim- Mặt Trời.

Hoa văn trống Sumotomo, hoa văn trống Ngọc Lũ phong phú hơn và mang phong cách tả thực Bách Việt đậm đà hơn. Ngoài biểu tượng chim Lạc còn có biểu tượng hươu, chồn, hai biểu tượng tương đương với biểu tượng chim Lạc cùng với các cảnh hội lễ người nhảy múa, đua thuyền rất sinh động.

Đặc biệt, có một mô típ trên trống Sumitomo (ngay dưới háng của pháp sư shaman) là hình dương vật cách điệu, điều thấy rõ hơn trên các mô típ hình ếch Dayak và Timor (Indonesia). Một biến thể của mô típ này lại xuất hiện trên một loạt các trống Đông Sơn muộn như Nông Cống, Đa Bút, Quế Tân, Hàng Bún, được các nhà khảo cổ Việt Nam gọi là mô típ “hình trâm”.



Hình 13: Mô típ dương vật trên trống Sumitomo; Hình ếch Dayak và Timor; Mô típ “hình trâm” trên trống Nông Cống.

Nguồn: Chen Chi Lu; Phạm Huy Thông 1990.

Việc một mô típ biểu hiện giới tính Nam trên trống Xích Quỷ theo phong cách tả thực trở thành một mô típ thuần túy trang trí trên trống Đông Sơn mang đậm tính Nữ cho thấy sự chuyển hóa các biểu tượng Nam (Ông Tổ Xuy Vưu-Thợ Rèn) trên trống đồng Bách Việt nước Xích Quỷ sang các biểu tượng Nữ (Chim-Hươu-Mặt trời Mẹ) trên trống đồng nước Văn Lang.

Tuy nhiên, điều quan trọng là, do đều là trống đồng Bách Việt, cả hai trống về cơ bản đều có chức năng là trống trận, trống dùng trong các lễ cầu mưa đồng thời là biểu tượng cho quyền thế của thủ lĩnh, vua chúa, cho mối quan hệ liên minh Bách Việt.

Kết luận

Một phân tích so sánh các mô típ hay biểu tượng trên hai trống đồng Sumitomo và Sùng Dương, trên sách báo vẫn được gọi chung là “trống đồng thời Thương”, thậm chí là “trống Thương” đã cho thấy thực chất đó là hai chiếc trống đồng của người Bách Việt ở nước Xích Quỷ cùng thời với nước Thương.

Trống đồng Đông Sơn của người Lạc Việt ra đời khoảng 1000 năm sau, có hình dáng, hoa văn mang đậm bản sắc Bách Việt hơn nhưng về chức năng, biểu tượng vẫn kế thừa truyền thống của dạng trống đồng Bách Việt đó.

